

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

BÀI VIẾT

**“PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG CÀ PHÊ,
THÁNG 9 VÀ 9 THÁNG NĂM 2024”**

(Thực hiện nhiệm vụ “Cung cấp thông tin phân tích và dự báo thị trường nhằm thúc đẩy và nâng cao hiệu quả kinh doanh, tiêu thụ nông sản trong nước” năm 2024)

PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH CUNG CẦU VÀ DỰ BÁO MẶT HÀNG CÀ PHÊ (Tháng 9 và 9 tháng năm 2024)

I. NGUỒN CUNG

- *Tình hình sản xuất*

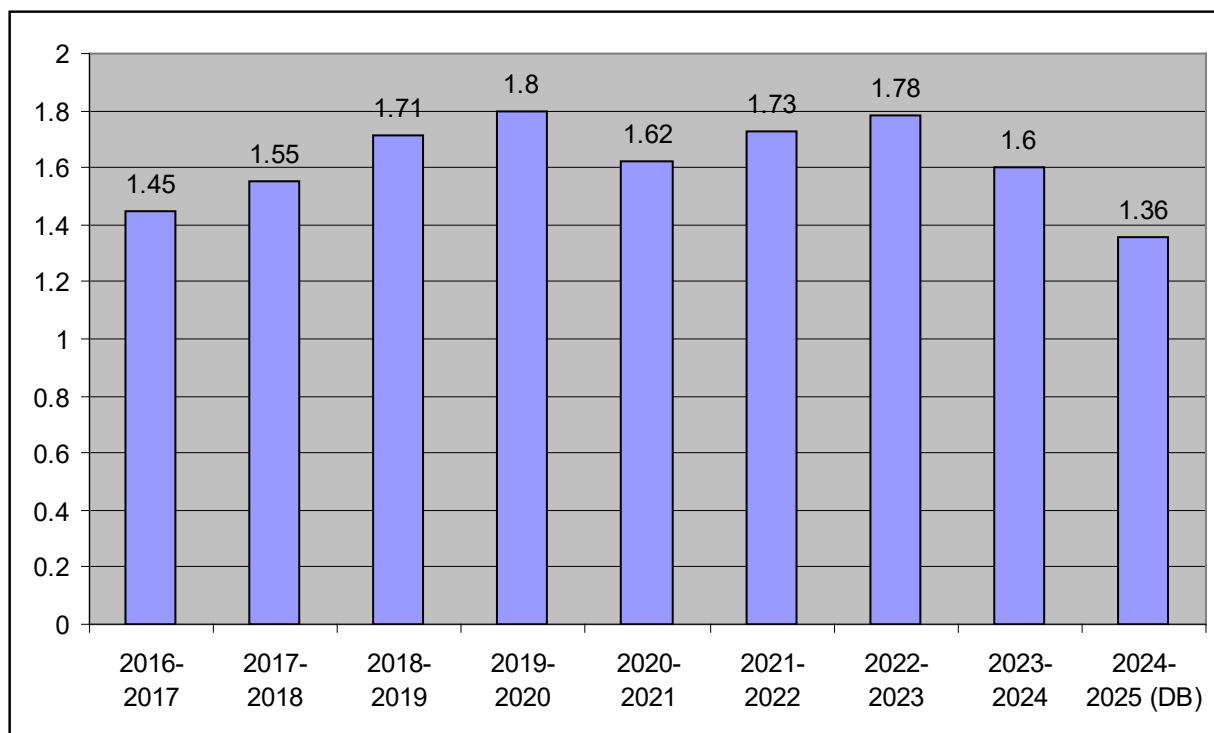
Theo Hiệp hội Cà phê Cao cao Việt Nam (Vicofa), sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2023-2024 (tháng 10/2023 đến tháng 9/2024) đạt khoảng 1,6 triệu tấn, giảm 10,11% so với niên vụ 2022-2023. Niên vụ 2024-2025 sắp chính thức thu hoạch, sản lượng dự báo sẽ tiếp tục sụt giảm khoảng 15% xuống còn 1,36 triệu tấn.

Nguyên nhân là do một phần diện tích cà phê bị thu hẹp khi thời gian qua một số nông dân lựa chọn chuyển sang các loại cây trồng khác có lợi nhuận cao hơn như sầu riêng, bơ, chanh leo....

Hơn thế nữa, trong mùa khô vừa rồi, hạn hán khá nghiêm trọng. Thông thường thời điểm tháng 5,6 là giai đoạn quả cà phê phát triển nhanh chóng nhưng năm nay do thiếu nước nên hạt sẽ nhỏ lại, ảnh hưởng tiêu cực đến năng suất và sản lượng.

Là nước sản xuất và cung ứng cà phê Robusta lớn nhất thế giới, sản lượng sụt giảm tại Việt Nam có thể gây thiếu hụt lên nguồn cung Robusta trên thị trường thế giới.

Biểu đồ 1. Sản lượng cà phê của Việt Nam từ niên vụ 2016-2017 đến niên vụ 2023-2025 (ĐVT: triệu tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của Vicofa

- Tình hình nhập khẩu

Do nguồn cung cà phê trong nước thắt chặt hơn về cuối vụ nên nhiều doanh nghiệp Việt Nam phải đẩy mạnh nhập khẩu cà phê để phục vụ cho nhu cầu nội địa cũng như chế biến xuất khẩu, đáp ứng các đơn hàng đã ký.

Theo Vicofa, tháng 8/2024 Việt Nam ước tính đã nhập khẩu 17.281 tấn cà phê, trị giá hơn 71 triệu USD, tăng 20,5% về lượng và 68,2% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Đáng chú ý, hơn 14.000 tấn cà phê nhân sống đã được nhập khẩu, với trị giá hơn 58 triệu USD.

Với mức nhập khẩu cao trong tháng 8/2024, tính từ đầu năm đến hết tháng 8/2024, kim ngạch nhập khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt 181 triệu USD.

Brazil, Indonesia, Lào là các nguồn cung cà phê chính cho Việt Nam, trong đó Việt Nam đang nhập khẩu cà phê nhiều nhất từ Brazil. Theo số liệu từ Trung tâm Thống kê Ngoại thương Nhà nước Brazil (Comex Stat), Việt Nam, nước sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới, đã nhập khẩu tổng cộng 17.428 tấn cà phê nhân từ Brazil trong 7 tháng năm 2024, với trị giá hơn 59 triệu USD, tăng đột biến 5,4 lần về lượng và gần 5,3 lần về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Đây cũng là khối lượng cà phê nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam từ Brazil kể từ trước đến nay, vượt xa con số 8.182 tấn của cả năm 2023. Chỉ tính riêng trong tháng 7/2024, nhập khẩu cà phê của Việt Nam từ Brazil đạt 6.762 tấn, trị giá 23,5 triệu USD, tăng gấp đôi so với tháng trước, đồng thời tăng 28 lần về lượng và 26 lần về trị giá so với cùng kỳ năm trước.

II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ

- Tiêu thụ trong nước

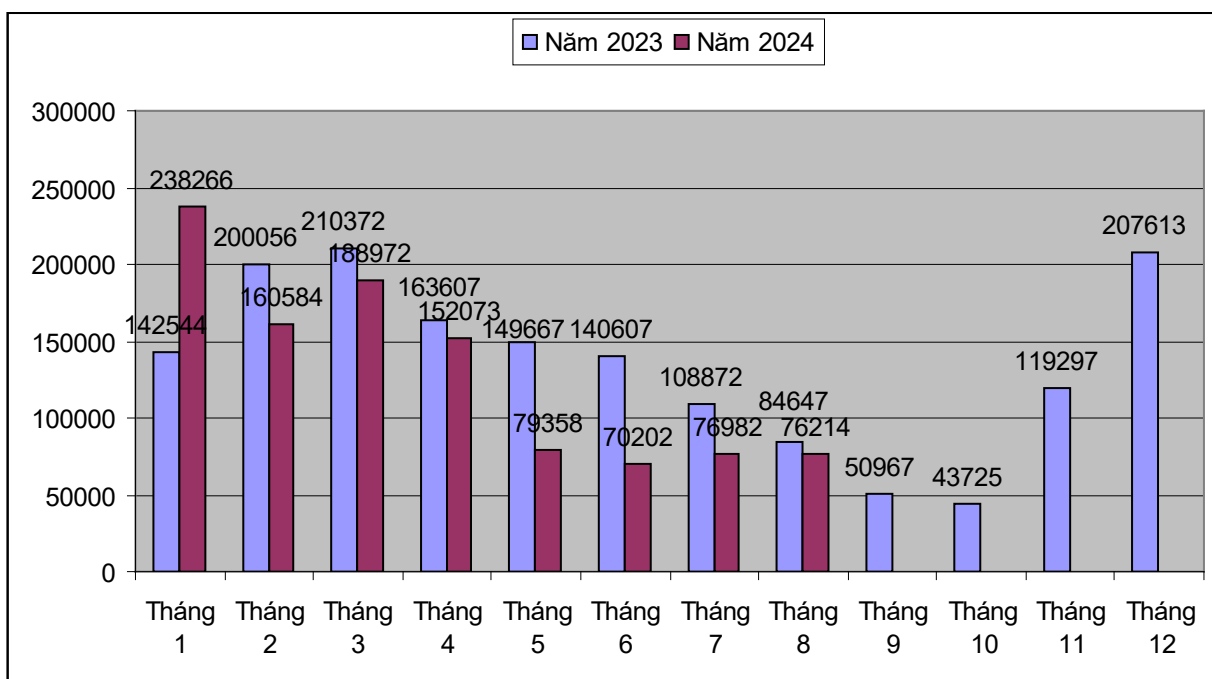
Tiêu thụ cà phê nhân xô trong nước từ các nhà máy chế biến cà phê hòa tan đang có xu hướng tăng. Năm 2023, các nhà máy chế biến cà phê hòa tan tại Việt Nam đã sử dụng khoảng 230.000 tấn cà phê nhân để sản xuất ra 100.000 tấn thành phẩm. Năm 2024, tổng lượng cà phê nhân tiêu thụ nội địa có thể tăng lên 350.000- 400.000 tấn nếu các nhà máy cà phê hòa tan đạt hết công suất. Con số này dự kiến sẽ tăng lên trong thời gian tới do có nhiều dự án đầu tư, mở rộng công suất nhà máy.

Việt Nam là một quốc gia có tỷ lệ tiêu thụ cà phê lớn, theo dữ liệu từ Vicofa, tiêu thụ cà phê bình quân đầu người ở nước ta đã tăng từ 1,7 kg cà phê năm 2015 lên gần 3 kg cà phê trong năm 2023.

- Tình hình xuất khẩu

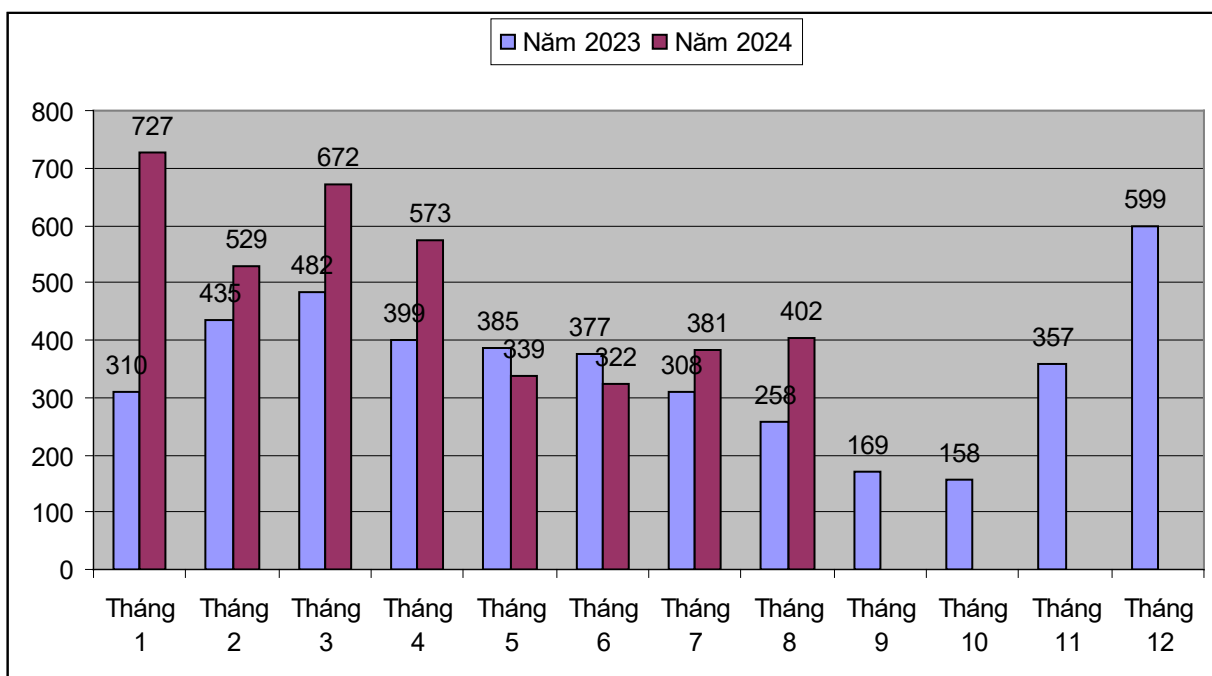
Theo số liệu thống kê sơ bộ từ Tổng cục Hải quan, xuất khẩu cà phê nửa đầu tháng 9/2024 của Việt Nam đạt 17.305 tấn, trị giá hơn 87 triệu USD, giảm khoảng 18% về khối lượng nhưng tăng khoảng 55,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023 nhờ giá xuất khẩu tăng cao.

Biểu đồ 2. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo khối lượng (tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 3. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo trị giá (triệu USD)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

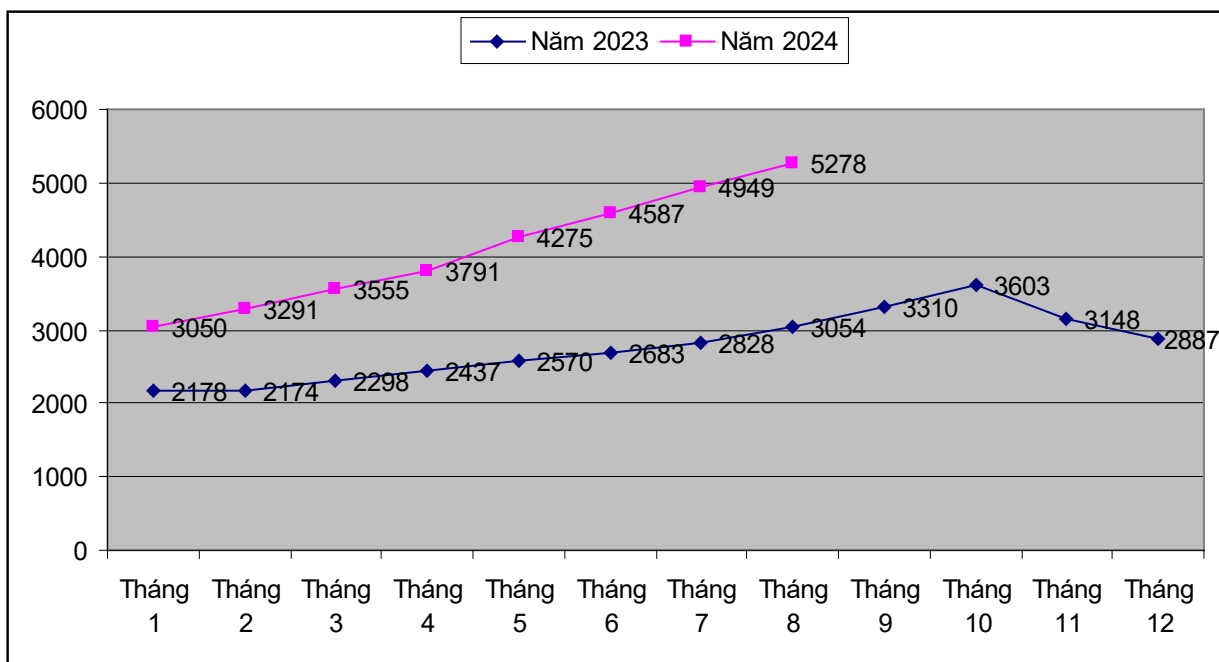
Cũng theo Tổng cục Hải quan, tháng 8/2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt hơn 76,21 nghìn tấn, trị giá gần 402,24 triệu USD, giảm 1% về lượng nhưng tăng 5,5% về trị giá so với tháng 7/2024; còn so với tháng 8/2023 giảm 9,96% về lượng nhưng tăng 55,81% về trị giá.

Tính chung 8 tháng năm 2024, Việt Nam xuất khẩu cà phê đạt gần 1,06 triệu tấn, trị giá hơn 4,01 tỷ USD, giảm 12,1% về lượng, nhưng tăng 35,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Thông thường giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm, khối lượng xuất khẩu cà phê của nước ta giảm dần qua các tháng và ở mức thấp do đây là thời điểm cuối vụ nên nguồn cung không còn dồi dào. Giai đoạn này năm nay khối lượng xuất khẩu cà phê của nước ta thậm chí còn thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm ngoái do sản lượng trong nước sụt giảm khiến nguồn cung cho xuất khẩu rất hạn hẹp.

Dự kiến, từ tháng 10/2024 nguồn cung cà phê cho xuất khẩu có thể bắt đầu cải thiện khi vụ thu hoạch cà phê 2024-2025 bắt đầu. Theo thông tin từ Vicofa, do giá cà phê đang đứng ở mức cao nên từ cuối tháng 9/2024 một số nông dân đã tranh thủ tiến hành thu hoạch những quả cà phê chín sớm.

Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Từ đầu năm đến nay giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam liên tục tăng, đến tháng 8/2024 đã vượt mốc 5.000 USD/tấn, cao hơn khoảng 73% so với đầu năm. Cụ thể, giá xuất khẩu cà phê trung bình của Việt Nam trong tháng 8/2024 đạt 5.278 USD/tấn, tăng 6,65 so với tháng 7/2024 và tăng 72,82% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 8 tháng năm 2024, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt mức 3.800 USD/tấn, tăng 54,28% so với cùng kỳ năm 2023.

Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam tăng cao trong thời gian qua là vì nguồn cung cà phê Robusta trên thế giới khan hiếm. Trong khi đó, các thị trường lớn như: châu Âu, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc... đang tăng cường mua loại nông sản này. Hơn thế nữa, do giá cà phê Robusta rẻ hơn nhiều so với giá cà phê Arabica và chất lượng cà phê

Robusta ngày càng cải thiện nên các nhà rang xay trên thế giới đã tăng tỉ lệ sử dụng khiến nhu cầu tăng cao.

Về thị trường xuất khẩu, trong số các thị trường chính, Đức tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất của cà phê Việt Nam, chiếm tỷ trọng 12,3% trong tổng khối lượng cà phê xuất khẩu của Việt Nam trong 8 tháng năm 2024.

Tháng 8/2024, xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Đức đạt 8.431 tấn, trị giá 43,84 triệu USD, giảm 0,22% về lượng nhưng tăng tới 91,33% về trị giá do giá xuất khẩu tăng cao 91,76% so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung 8 tháng năm 2024, xuất khẩu cà phê sang Đức đạt 129.931 tấn, trị giá 471,88 triệu USD, giảm 10,94% về lượng nhưng tăng 45,86% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá xuất khẩu cà phê bình quân 8 tháng năm nay của Việt Nam sang thị trường Đức đạt 3.632 USD/tấn, tăng 63,78% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong các thị trường xuất khẩu cà phê chính của nước ta, khối lượng xuất khẩu cà phê sang các thị trường Italia, Nhật Bản, Hoa Kỳ, Bỉ cũng giảm trong 8 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023, trong đó mức giảm mạnh nhất là thị trường Bỉ, giảm 36,36%, kế đó là Hoa Kỳ giảm 31,34%. Tuy nhiên, nhờ giá xuất khẩu cà phê sang các thị trường này tăng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu vẫn đạt được tăng trưởng dương.

Bảng 1. Thị trường Việt Nam xuất khẩu cà phê chủ yếu trong tháng 8 và 8 tháng năm 2024

Thị trường	Tháng 8/2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)		8 tháng năm 2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Đức	8.431	43.840	-0,22	91,33	129.931	471.884	-10,94	45,86
Italia	8.005	35.747	5,96	99,14	99.086	331.333	-13,11	31,23
Nhật Bản	7.148	40.234	-21,49	41,10	76.128	310.027	-3,72	41,12
Tây Ban Nha	5.461	30.594	8,78	79,56	77.259	304.080	17,18	80,88
Trung Quốc	4.438	23.521	59,93	118,98	36.873	153.700	30,42	65,38
Hoa Kỳ	4.342	20.136	9,40	76,60	62.150	223.541	-31,34	4,58
Philippin	4.205	26.050	62,42	144,39	42.611	196.055	63,55	126,56
Thái Lan	3.805	20.575	28,63	119,23	32.017	127.446	63,57	88,88
Bỉ	2.811	14.477	86,16	251,30	31.125	113.394	-36,36	0,03
Malaixia	2.618	13.778	87,13	139,20	25.442	108.638	64,03	118,07
Hàn Quốc	2.332	10.231	-29,89	4,65	28.613	100.382	-2,36	39,21

Thị trường	Tháng 8/2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)		8 tháng năm 2024		Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá
Anh	2.020	11.251	-40,92	10,77	20.522	87.137	-25,92	27,59
Pháp	1.979	9.982	463,82	963,05	12.127	44.716	-24,65	34,33
Algeria	1.615	8.226	-55,50	-8,36	27.095	91.407	-45,98	-17,82
Nga	1.613	9.157	-66,37	-41,78	54.934	217.942	-18,94	86,25
Ôxtrâylia	1.403	7.681	129,25	164,22	9.751	40.440	14,10	66,39
Indonesia	1.217	9.703	-31,48	0,07	43.857	180.337	46,03	92,27
Hà Lan	1.180	8.890	-44,89	48,02	34.779	138.213	13,46	76,36
Bồ Đào Nha	882	4.443	11,22	98,08	10.340	38.150	-6,69	48,55
Ba Lan	674	5.881	-26,26	54,84	8.086	48.632	-27,36	33,80
Ấn Độ	668	1.862	-37,28	-22,06	12.167	37.067	-46,70	-19,25
Ai Cập	449	2.239	-50,33	-3,32	9.905	35.828	-21,16	26,04

Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

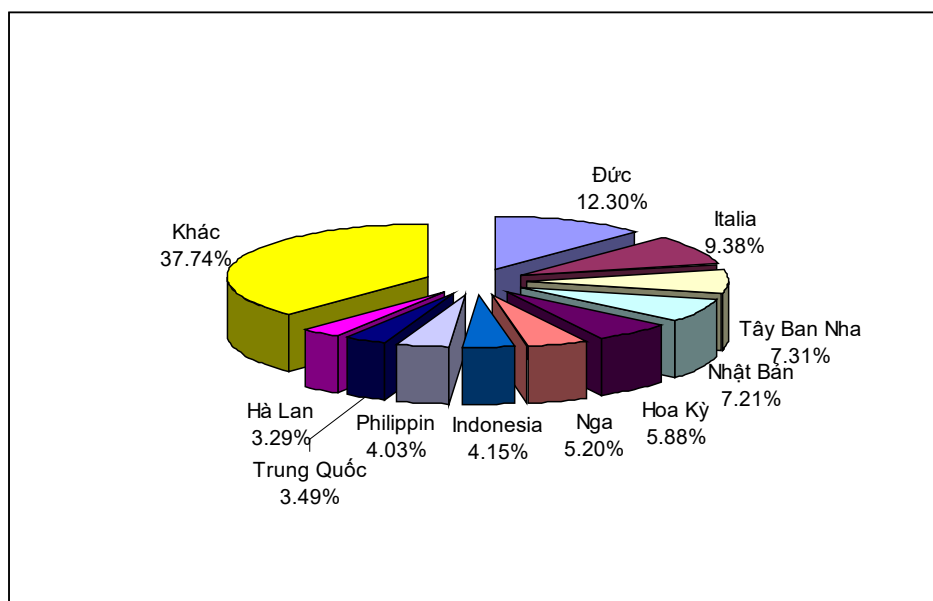
Bảng 2. Giá cà phê xuất khẩu Việt Nam bình quân tháng 8 và 8 tháng năm 2024 sang các thị trường chính

Thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 8/2024	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2024	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)
Ba Lan	8.726	109,98	6.014	84,20
Indonesia	7.973	46,04	4.112	31,66
Hà Lan	7.534	168,57	3.974	55,43
Philippin	6.195	50,47	4.601	38,53
Nga	5.677	73,12	3.967	129,77
Nhật Bản	5.629	79,71	4.072	46,58
Tây Ban Nha	5.602	65,06	3.936	54,36
Anh	5.570	87,49	4.246	72,24
Ôxtrâylia	5.475	15,26	4.147	45,82

Thị trường	Giá xuất khẩu bình quân tháng 8/2024	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)	Giá xuất khẩu bình quân 8 tháng năm 2024	Tăng/giảm so với cùng kỳ 2023 (%)
Thái Lan	5.407	70,43	3.981	15,48
Trung Quốc	5.300	36,93	4.168	26,81
Malaixia	5.263	27,82	4.270	32,95
Đức	5.200	91,76	3.632	63,78
Bỉ	5.150	88,71	3.643	57,18
Algeria	5.093	105,93	3.374	52,11
Pháp	5.044	88,54	3.687	78,29
Bồ Đào Nha	5.037	78,09	3.690	59,19
Ai Cập	4.987	94,64	3.617	59,87
Hoa Kỳ	4.637	61,43	3.597	52,31
Italia	4.466	87,94	3.344	51,02
Hàn Quốc	4.387	49,26	3.508	42,59
Ấn Độ	2.787	24,26	3.047	51,50

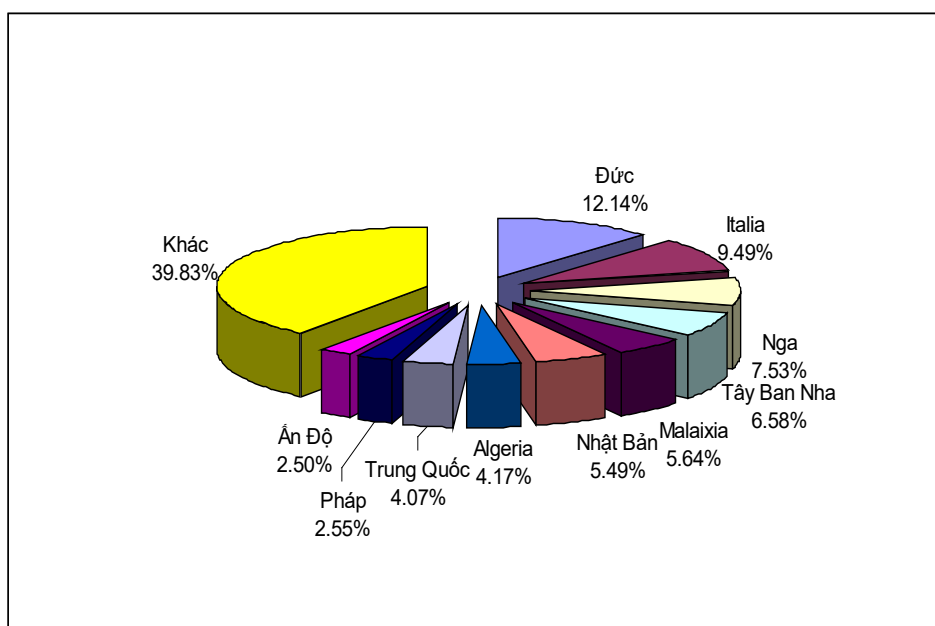
Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 8 tháng năm 2024 theo khối lượng



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

Biểu đồ 6. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 8 tháng năm 2023 theo khối lượng



Nguồn: VITIC tính toán theo số liệu của TCHQ

III. DIỄN BIẾN GIÁ

Giá cà phê trong nước tiếp tục duy trì ở mức cao trong tháng 9/2024 do nguồn cung hạn chế và giá cà phê thế giới, đặc biệt là cà phê Robusta giao dịch tại London, tăng cao.

Biểu đồ 7. Diễn biến giá cà phê trung bình tại khu vực Tây Nguyên từ đầu tháng 10/2022 đến cuối tháng 9/2024 (VNĐ/kg)



Nguồn: Tổng hợp từ WiChart

Đến ngày 30/9/2024, giá cà phê thu mua tại Gia Lai đang đứng ở mức 121.000 đồng/kg, Đắk Nông ở mức 121.200 đồng/kg, Đắk Lắk 122.100 đồng/kg, Lâm Đồng 121.100 đồng/kg. Các mức giá này ít thay đổi so với cuối tháng 8/2024. Tuy nhiên, so với đầu năm 2024 lại tăng khoảng 72% và so với cùng kỳ năm 2023 tăng gấp đôi.

Tại Sở giao dịch hàng hóa London, giá cà phê Robusta kỳ hạn chính tiếp tục tăng khá mạnh trong tháng 9/2024 và chính thức vượt ngưỡng 5.000 USD/tấn. Cụ thể, kết thúc tháng 9/2024 giá Robusta tại London đạt mức 5.447 USD/tấn, tăng 541 USD (+11%) so với cuối tháng 8/2024 và cao hơn gấp đôi so với cùng kỳ năm 2023.

Giá cà phê tăng cao do thiếu hàng. Lý do 2 nguồn cung cà phê lớn nhất trên thế giới là Brazil và Việt Nam bị mất mùa do biến đổi khí hậu. Ngoài ra, yếu tố đầu cơ trên sàn London cũng khiến giá cà phê có sự biến động mạnh.

Biểu đồ 8. Diễn biến giá cà phê Robusta tại London từ đầu tháng 8/2023 đến cuối tháng 9/2024 (USD/tấn)



Nguồn: Tổng hợp từ Investing.com

IV. DỰ BÁO

Nguồn cung cà phê tại Việt Nam đến cuối vụ 2023-2024 (tháng 9/2024) gần như cạn kiệt. Hoạt động xuất khẩu cà phê của nước ta trong những tháng cuối vụ cũng kém sôi động do lượng cà phê dành cho xuất khẩu của các doanh nghiệp không còn nhiều. Giá cà phê nguyên liệu trong nước đang duy trì ở vùng giá cao trên 120.000 đồng/kg, giá xuất khẩu cà phê bình quân đã chính thức vượt ngưỡng 5.000 USD/tấn trong tháng 8/2024 và giá cà phê Robusta kỳ hạn chính tại London kết thúc tháng 9/2024 cũng đang đứng trên mốc 5.400 USD/tấn.

Dự báo nguồn cung cà phê tại Việt Nam sẽ bắt đầu cải thiện từ tháng 10/2024 khi hoạt động thu hoạch vụ mới 2024-2025 diễn ra. Xuất khẩu cà phê nước ta theo đó nhiều khả năng cũng sẽ nhộn nhịp trở lại trong những tháng cuối năm.

Xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong niên vụ 2023/24 ước tính vào khoảng 26,85 triệu bao (60kg/bao), giảm khoảng 5% so với niên vụ trước đó. Con số này được dự báo sẽ tiếp tục giảm xuống 26,5 triệu bao trong niên vụ 2024/25. Nguyên nhân là do sản lượng và tồn kho cà phê của Việt Nam sụt giảm.

Tồn kho cuối vụ cà phê của Việt Nam ước tính giảm mạnh từ mức 3,6 triệu bao của niên vụ 2022-2023 xuống chỉ còn 892 nghìn bao trong niên vụ 2023-2024 và dự báo chỉ còn 492 nghìn bao trong niên vụ 2024-2025.

Về giá cà phê trong nước, nguồn cung từ vụ mới ra thị trường có thể sẽ gây áp lực lên giá cà phê trong ngắn hạn, đặc biệt trong tháng 12/2024 – thời điểm thu hoạch rộ. Tuy nhiên, biên độ điều chỉnh giảm giá sẽ không lớn do sản lượng cà phê của nước ta trong niên vụ 2024-2025 dự báo tiếp tục giảm khoảng 15% so với niên vụ trước đó. Bên cạnh đó, các nhà nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng mua cà phê do thị trường tiêu dùng cà phê trên thế giới cuối năm thường tăng mạnh, qua đó cũng góp phần hạn chế biên độ điều chỉnh giảm giá. Ngoài ra, người trồng cà phê có thể cũng không vội bán cà phê do không quá áp lực về tài chính.

Trên thế giới, theo Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO), cán cân cung cầu cà phê tích lũy trong 6 năm gần nhất đang ở mức thiếu hụt (-13,1 triệu bao), đã và đang tạo áp lực tăng giá trên thị trường cà phê thế giới. Hơn thế nữa, biến đổi khí hậu có thể sẽ tiếp tục đe dọa nguồn cung cà phê toàn cầu.

MỤC LỤC

I. NGUỒN CUNG.....	2
- <i>Tình hình sản xuất</i>	<i>2</i>
- <i>Tình hình nhập khẩu</i>	<i>3</i>
II. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ	3
- <i>Tiêu thụ trong nước.....</i>	<i>3</i>
- <i>Tình hình xuất khẩu</i>	<i>3</i>
III. DIỄN BIẾN GIÁ.....	9
IV. DỰ BÁO.....	10
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	13
DANH MỤC BẢNG.....	13

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Sản lượng cà phê của Việt Nam từ niên vụ 2016-2017 đến niên vụ 2023-2025 (ĐVT: triệu tấn)	2
Biểu đồ 2. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo khối lượng (tấn) .	4
Biểu đồ 3. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 theo trị giá (triệu USD)	4
Biểu đồ 4. Giá xuất khẩu cà phê của Việt Nam qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: USD/tấn) ..	5
Biểu đồ 5. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 8 tháng năm 2024 theo khối lượng	8
Biểu đồ 6. Cơ cấu thị trường xuất khẩu cà phê Việt Nam 8 tháng năm 2023 theo khối lượng	9
Biểu đồ 7. Diễn biến giá cà phê trung bình tại khu vực Tây Nguyên từ đầu tháng 10/2022 đến cuối tháng 9/2024 (VNĐ/kg).....	9

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Thị trường Việt Nam xuất khẩu cà phê chủ yếu trong tháng 8 và 8 tháng năm 2024	6
Bảng 2. Giá cà phê xuất khẩu Việt Nam bình quân tháng 8 và 8 tháng năm 2024 sang các thị trường chính	7